CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 18

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Số 8-Phạm Ngọc Thạch,Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84-4 3852 4123
Fax: +84-4 3852 4143
www.deloitte.com/vn

Số: 27 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí

Chúng tôi đã tiến hành công tác soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty") cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến trong báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công việc soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng những thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc soát xét đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý:

Đây là năm đầu tiên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 của Công ty được soát xét. Do đó, số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu chưa được soát xét.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DELOITTE VIỆT NAM

Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Ngô Trung Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0784/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 16 tháng 7 năm 2010
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Thái Doãn Thuyết	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hương	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Thế	Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Thân	Ủy viên
Ông Nguyễn Mạnh Tiến	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đình Thế	Tổng Giám đốc
Ông Trần Vũ Phượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Chu Tứ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Yên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tất Thành	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Đình Thế
Tổng Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 16 tháng 7 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	**100**		**260.789.400.895**	**184.068.413.388**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**96.387.255.268**	**42.357.493.216**
1.Tiền	111		10.337.417.154	42.357.493.216
2. Các khoản tương đương tiền	112		86.049.838.114	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**6**	**31.460.387.495**	**30.000.000.000**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		31.460.387.495	30.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**90.064.126.614**	**81.442.300.432**
1. Phải thu khách hàng	131		25.211.753.771	34.746.787.726
2. Trả trước cho người bán	132		12.769.205.192	12.806.320.536
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		52.310.298.185	27.519.826.280
4. Các khoản phải thu khác	135		2.131.665.374	8.166.139.642
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.358.795.908)	(1.796.773.752)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**7**	**40.720.422.250**	**29.054.747.902**
1. Hàng tồn kho	141		40.720.422.250	29.054.747.902
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**2.157.209.268**	**1.213.871.838**
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		472.022.423	-
2. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		114.303.992	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	1.570.882.853	1.213.871.838
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	**200**		**115.244.640.327**	**36.167.230.426**
I. Tài sản cố định	**220**		**105.248.811.430**	**33.445.691.491**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	46.178.405.991	27.508.824.226
- Nguyên giá	*222*		*80.675.200.177*	*58.659.954.128*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(34.496.794.186)*	*(31.151.129.902)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	16.095.689.939	1.077.564.715
- Nguyên giá	*228*		*16.244.034.715*	*1.077.564.715*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(148.344.776)*	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	42.974.715.500	4.859.302.550
II. Tài sản dài hạn khác	**260**		**9.995.828.897**	**2.721.538.935**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	8.283.328.161	2.125.156.910
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.712.500.736	596.382.025
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**376.034.041.222**	**220.235.643.814**

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 =310+330)	**300**		**154.146.880.673**	**133.720.907.264**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**135.831.614.712**	**130.982.158.244**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	26.484.634.107	2.594.276.000
2. Phải trả người bán	312		43.769.728.221	28.846.794.283
3. Người mua trả tiền trước	313		3.342.442.539	54.205.744.684
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	8.537.279.623	3.557.681.123
5. Phải trả người lao động	315		40.340.189.067	14.245.408.538
6. Chi phí phải trả	316	15	9.539.611.943	4.915.113.735
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		3.935.729.212	22.617.139.881
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(118.000.000)	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**18.315.265.961**	**2.738.749.020**
1. Vay và nợ dài hạn	334	16	18.159.913.187	2.407.607.900
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		155.352.774	331.141.120
B. NGUỒN VỐN (400 = 410)	**400**		**221.887.160.549**	**86.514.736.550**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**17**	**221.887.160.549**	**86.514.736.550**
1. Vốn điều lệ	411		200.000.000.000	86.307.700.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		21.887.160.549	207.036.550
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		376.034.041.222	220.235.643.814

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	30/06/2010	31/12/2009
1. Ngoại tệ các loại		
- USD	39.946,58	50.281,87

SĐKKD: 3500834094 CT.CP ★ CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ ★ TP.VŨNG TÀU T.BÀ RỊA VŨNG TÀU

Nguyễn Đình Thế
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 7 năm 2010

Nguyễn Đức Đạt
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**18**	**190.712.722.175**	**96.131.385.775**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		**190.712.722.175**	**96.131.385.775**
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	147.122.277.086	81.762.718.834
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**43.590.445.089**	**14.368.666.941**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		4.848.543.869	141.716.971
7. Chi phí tài chính	22		1.669.182.542	411.905.105
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*1.669.182.542*	*411.905.105*
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.180.636.875	7.260.384.137
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	**30**		**28.589.169.541**	**6.838.094.670**
11. Thu nhập khác	31		244.933.058	210.862.718
12. Chi phí khác	32		-	245.211.290
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	**40**		**244.933.058**	**(34.348.572)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**28.834.102.599**	**6.803.746.098**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	8.270.097.311	850.468.262
16. (Thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại	52		(1.116.118.711)	-
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	**60**		**21.680.123.999**	**5.953.277.836**
18. Lãi trên cổ phiếu	70	21	1.084	

Nguyễn Đình Thế
Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Đạt
Kế toán trưởng

Ngày 16 tháng 7 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	**28.834.102.599**	**6.803.746.098**
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.062.054.030	1.014.240.198
Các khoản dự phòng	03	386.233.810	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(4.848.543.869)	(141.716.971)
Chi phí lãi vay	06	1.669.182.542	411.905.105
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	**32.103.029.112**	**8.088.174.430**
(Tăng) các khoản phải thu	09	(9.328.194.602)	(5.333.130.954)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(11.665.674.348)	4.719.190.951
(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(73.535.662.056)	(256.978.980)
(Tăng) chi phí trả trước	12	(6.158.171.251)	(664.281.957)
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.669.182.542)	(411.905.105)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.332.727.951)	(362.070.285)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	**(72.586.583.638)**	**5.778.998.100**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(29.307.782.912)	(7.491.838.671)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.460.387.495)	-
3. Tiền thu lãi đầu tư, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.049.552.703	141.716.971
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	**(26.718.617.704)**	**(7.350.121.700)**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của các cổ đông	31	113.692.300.000	-
2. Tiền vay ngắn, dài hạn nhận được	33	39.642.663.394	973.547.460
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	**153.334.963.394**	**973.547.460**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**54.029.762.052**	**(597.576.140)**
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	**60**	**42.357.493.216**	**5.021.128.619**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	**70**	**96.387.255.268**	**4.423.552.479**

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền dùng để mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm số tiền 50.381.005.334 đồng, là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Nguyễn Đình Thế	**Nguyễn Đức Đạt**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**

Ngày 16 tháng 7 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính